

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS - ST

Ngày 17 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Tiễn.
2. Ông Trần Thành Vân.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Lâu Bá Khải - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Vũ Thị B (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: không, tiền sự: Ngày 26/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 27/6/2020, hiện đang thi hành án tại Trại giam Hoàng Tiến – Bộ Công an cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Lường Thị A, sinh năm 1970. Trú tại: Bản C, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Quàng Thị U. Sinh năm 1989. Trú tại: Bản G, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 29/11/2019 sau khi Đ đi lên bản O, xã K để mua ma túy về sử dụng, khi quay về đi qua đường liên xã thuộc khu vực bản P, xã K, S thì thấy nhiều xe mô tô dựng sát bên đường gần đám cưới và không có người trông coi, trong đó có 01 xe mô tô hiệu HONDA, màu sơn đen, có BKS 26H8-8100 do chị Lường Thị A mượn của chị Quàng Thị U đem đi ăn cưới tại ổ điện vẫn cắm chìa khóa nên Đ đã ngồi lên xe và nổ máy đi về nhà. Sau đó, Đ đã sử dụng xe để đi lên bản O, xã K để mua ma túy sử dụng và đi lên bệnh viện đa khoa huyện S để lấy thuốc điều trị HIV nhưng chưa đến lịch lấy thuốc nên Đ quay về, khi mở cốp xe Đ thấy có 01 giấy đăng ký xe nên đã cất vào túi quần đang mặc. Do xe bị hết xăng nên Đ phải dắt bộ, khi đang dắt bộ xe trên đường thì bị phát hiện chiếc xe mô tô là tài sản do trộm cắp mà có và bị Công an xã K tạm giữ.

Kết luận số 03 ngày 29/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sông Mã, kết luận: *“01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Weva alpha, màu sơn đen, BKS 26H8- 8100, số khung 378960, số máy 5478724, xe đã qua sử dụng; giá trị: 5.530.000 đồng”*.

Ngày 21/01/2020 CQCSĐT công an huyện S đã ra lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn Đ nhưng Đ bỏ trốn nên ngày 22/01/2020 CQCSĐT đã ra lệnh truy nã đối với Đ, ngày 26/6/2020 Đ bị Công an huyện G, tỉnh Hải Dương bắt và ra lệnh tạm giam từ ngày 27/6/2020 do có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 24/8/2020 Đ bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 133/CT-VKSSM ngày 20 tháng 10 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Nguyễn Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 09 – 12 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của bản án số 46/2020/HSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Vật chứng vụ án: Đã xử lý xong tại giai đoạn điều tra. Chấp nhận người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo.

- Người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có văn bản trình bày: Nguồn gốc chiếc xe mô tô BKS 26H8- 8100 là do chị mua lại xe cũ của anh Vũ Văn D1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, chị cho bà A (là mẹ đẻ) mượn đi ăn

cưới và bị mất, chị đã được CSĐT trả lại chiếc xe và chị không yêu cầu bị cáo, người bị hại phải bồi thường, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có văn bản trình bày: Ngày 29/11/2019 bà có mượn xe mô tô BKS 26H8- 8100 của con gái là chị U để đi ăn cưới, sau đó thì phát hiện đã bị mất, nay bà không có yêu cầu và đề nghị gì.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

- Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 29/11/2019 tại bản X, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La: tạm giữ 01 chiếc xe mô tô BKS 26H8-8100 do Nguyễn Văn Đ đang chiếm giữ, sử dụng.

- Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 25/12/2019: xác định hiện trường xảy ra vụ án tại bản P, xã K, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Kết luận định giá tài sản 03 ngày 29/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sông Mã, kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu *HONDA Weva alpha*, màu sơn đen, BKS 26H8- 8100, giá trị: 5.530.000 đồng”.

- Lời khai của bị cáo về việc ngày 29/11/2019 khi đi qua khu vực đường liên xã thuộc khu vực bản P, xã K, S thấy xe mô tô BKS 26H8- 8100 dựng ở bên đường không có ai trông giữ và đang cắm chìa khóa tại ổ điện nên đã lén lút chiếm đoạt để làm phương tiện đi lại và sau đó bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

- Lời khai nhận tội của bị cáo về thời gian địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không có thay đổi, bổ sung gì về lời khai làm thay đổi nội dung vụ án. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là đối tượng lười lao động, nghiện ma túy vì để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy về sử dụng ngày 29/11/2019 lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt được 01 chiếc xe mô tô có trị giá 5.530.000đ.

Hành vi bị cáo thực hiện đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt là “phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà và tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. Tuy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội đang trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, gây khó khăn cho công tác điều tra, giải quyết vụ án và bị CQCSĐT ra lệnh truy nã, trong thời gian trốn truy nã bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải dương xử phạt 15 tháng tù, hiện bị cáo đang trong thời gian chấp hành án. Điều đó cho thấy tính khó giáo dục, cải tạo và ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài nhằm đảm bảo sẽ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và cũng đảm bảo biện pháp răn đe, phòng ngừa chung, góp phần thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn không có tài sản gì có giá trị, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô BKS 26H8- 8100 ngày 05/12/2019 CQCSĐT đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Quảng Thị U là đúng quy định cần chấp nhận.

Về hai người đàn ông dân tộc Mông bị cáo khai là người đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 29/11/2019, bị cáo khai đều ở bản O, xã K, S nhưng không biết rõ tên, địa chỉ cụ thể nên CQCSĐT không có căn cứ mở rộng điều tra vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng vụ án: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên không đề cập vấn đề giải quyết vật chứng.

[9] Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của bản án số 46/2020/HSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án (17/12/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự

Chấp nhận người có quyền, nghĩa vụ liên quan và người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/12/2020), người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung

